

VAI TRÒ CỦA THƯ VIỆN SỐ TRONG MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN VÀ CHIA SẺ HỌC LIỆU

TS Đỗ Văn Hùng

Trường Đại học KHXH&NV Hà Nội

Tóm tắt: Thảo luận vai trò của thư viện số và học liệu số trong môi trường học tập trực tuyến ở bậc đại học. Trong đó thư viện số và học liệu số thúc đẩy đổi mới trong giáo dục đồng thời là yếu tố quan trọng để xây dựng môi trường học tập trực tuyến. Thư viện số là phương thức và là công cụ nền tảng để các thư viện đại học tạo lập và chia sẻ nguồn học liệu.

Từ khóa: Thư viện số; học liệu số; môi trường học tập trực tuyến; chia sẻ học liệu; giáo dục đại học.

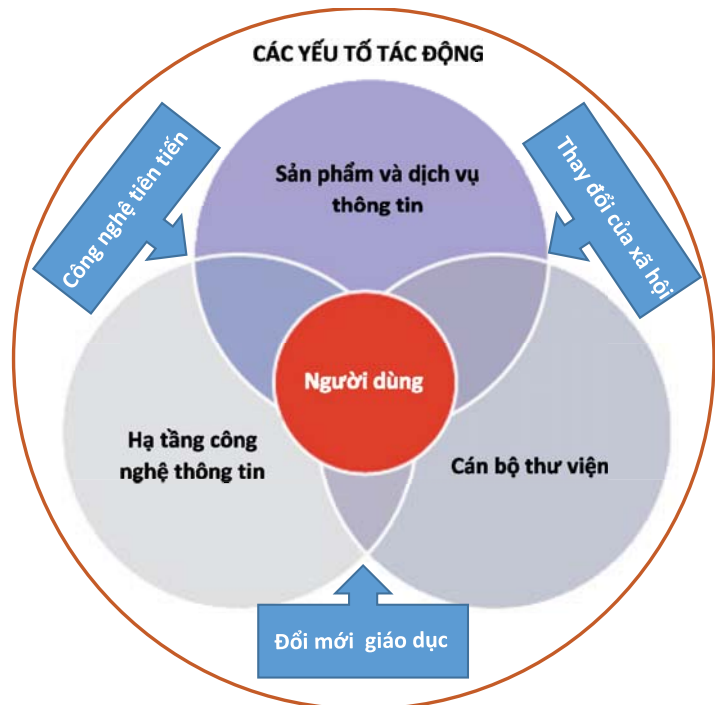
The role of digital library in eLearning and resource sharing

Abstract: Analyzing the role of digital library and digital learning resources in the eLearning environment at universities. Digital library and learning resources promote the innovation in education and play an important role in the creation of online learning environment. Digital library is the fundamental method and tool for universities to create and share learning resources.

Keywords: Digital library; digital learning resource; eLearning environment; learning resource sharing; higher education.

1. Thư viện số trong môi trường học tập trực tuyến

Thư viện đại học đang có những chuyển biến tích cực cùng với sự đổi mới của giáo dục đại học và sự phát triển của công nghệ. Thư viện đại học của thế kỷ 21 đã và đang bị ảnh hưởng bởi ba yếu tố quan trọng, đó là: sự phát triển của công nghệ, đổi mới giáo dục và sự thay đổi không ngừng của xã hội. Ba yếu tố này tác động đến mô hình hoạt động, phương thức tổ chức, vai trò của thư viện trong nhà trường và ngoài xã hội. Thư viện sẽ phải thường xuyên thay đổi để thích ứng với những thay đổi của ba yếu tố trên [4].



Hình 1. Thư viện đại học với những yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài [4]

Nghiên cứu - Trao đổi

Trong mô hình này người dùng tin được xác định là trung tâm hoạt động của thư viện. Tất cả các sản phẩm và dịch vụ thông tin, cũng như các hoạt động nghiệp vụ khác đều hướng tới người dùng, vì người dùng. Các thư viện đại học lấy giảng viên, sinh viên và nhà nghiên cứu để xây dựng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp. Tất cả các thiết kế sản phẩm thông tin và các dịch vụ được thiết kế trong thư viện đều phục vụ cho nhiệm vụ tối cao của người dạy và người học, đó là đào tạo và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, thư viện phải thực sự chủ động trong việc áp dụng công nghệ mới, thích ứng với những cải cách trong giáo giục đại học, và sẵn sàng cho việc thay đổi và yêu cầu từ xã hội. Cán bộ thư viện phải tham gia tích cực như là một nhân tố kết nối giữa người dùng với các sản phẩm và dịch vụ thông tin. Bên cạnh đó, họ phải chuẩn bị những năng lực cần thiết để sử dụng những công nghệ mới nhất một cách hiệu quả.

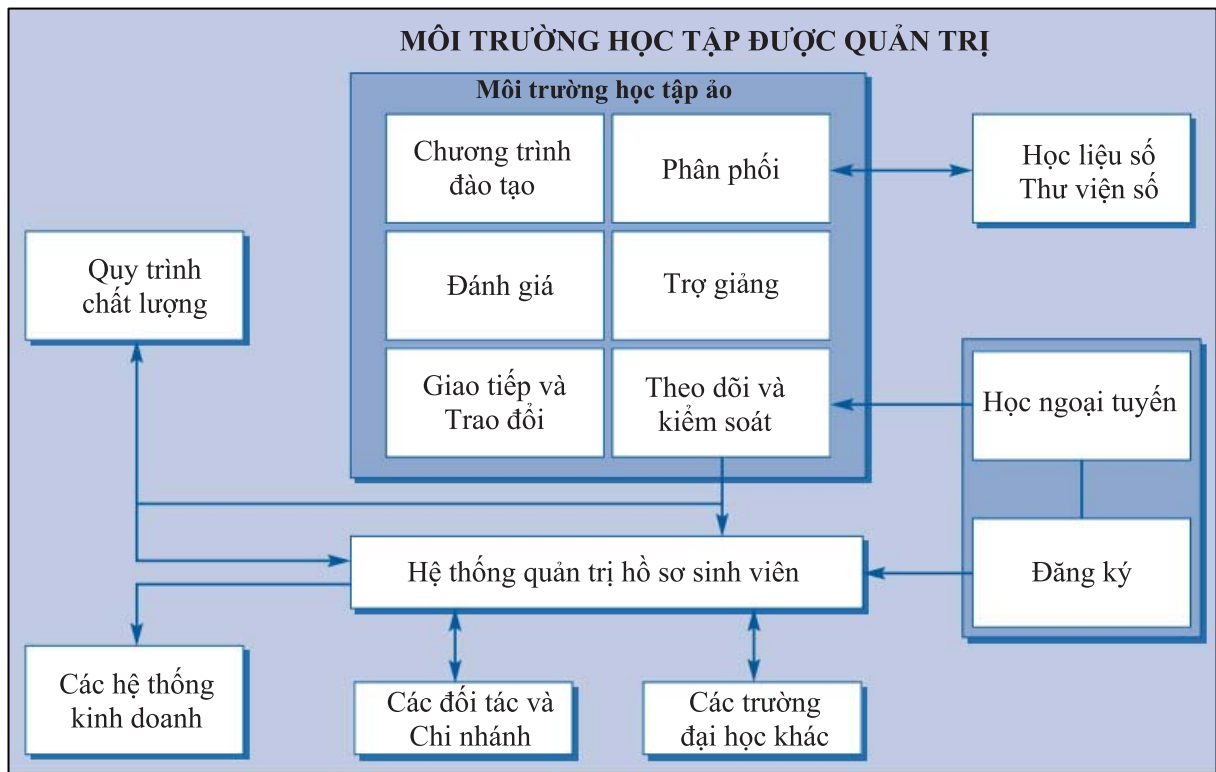
“Thư viện được xem là nhân tố quan trọng trong giáo dục, do vậy, thư viện số được kỳ vọng sẽ mang lại những cơ hội cho sự đổi mới trong giáo dục” [11]. Thư viện số (TVS) và học liệu số đang đóng vai trò ngày càng quan trọng giáo dục hiện đại, khi mà công nghệ đang hiện diện ngày càng nhiều trong hoạt động dạy và học. Trong đó, học trực tuyến, giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên thông qua mạng là một trong những phương thức chủ đạo. Người học có xu hướng sử dụng máy tính và thiết bị di động cho học tập ngày càng nhiều, thời gian đến thư viện được rút ngắn, khai thác và sử dụng học liệu trực tuyến đang được người học ưu tiên sử dụng. Có thể thấy, các nhà cung cấp dữ liệu cho đào tạo và nghiên cứu như Thomson Reuters, EBSCO, Elsevier hay IEEE đang kinh doanh khá tốt, bên cạnh đó các trường đại học ưu

tiên cho việc phát triển dữ liệu số và mua học liệu số phục vụ cho nhu cầu đang thay đổi của giảng viên và sinh viên.

Môi trường học tập trực tuyến (hay môi trường học tập ảo - virtual learning environment - VLE) là một tập hợp các công cụ giảng dạy và học tập được thiết kế để nâng cao khả năng học tập của sinh viên bằng việc ứng dụng máy tính và Internet trong quá trình học tập. Các yếu tố cốt lõi của một môi trường học tập trực tuyến bao gồm: bản sơ đồ hóa về chương trình đào tạo (phân rõ khung chương trình thành những phần/nhóm để có thể triển khai và đánh giá), theo dõi và kiểm soát sinh viên, hỗ trợ trực tuyến dành cho cả sinh viên và giảng viên, giao tiếp điện tử (thư viện tử, diễn đàn, chat, xuất bản trực tuyến), và các liên kết đến học liệu số. Phần mềm quản trị môi trường học tập trực tuyến là một trong những yêu cầu nền tảng của học tập trực tuyến. Hiện tại có những phần mềm thương mại phổ biến như: Blackboard, WebCT, Lotus LearningSpace và COSE; đồng thời cũng có các sản phẩm nguồn mở và miễn phí được nhiều cơ sở đào tạo sử dụng như Moodle, CourseSites, Sakai và Latitude Learning.

Đôi khi thuật ngữ môi trường học tập ảo (VLE) và môi trường học tập được quản trị (managed learning environment - MLE) được sử dụng hoán đổi cho nhau. Khi một hệ VLE tích hợp với các hệ thống thông tin (ví dụ như cơ sở dữ liệu sinh viên) và các công việc quản trị trong một cơ sở đào tạo thì hệ thống này thường được coi là một MLE trực tuyến (Hình 2). Trong môi trường học tập trực tuyến, học liệu số đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển giao tri thức. Ở đó, người học và người dạy tương tác với nhau thông qua nguồn học liệu được cung cấp trực tuyến.

Nghiên cứu - Trao đổi



Hình 2. Môi trường học tập ảo được quản trị và sự tham gia của thư viện số [8].

Có hai vấn đề cơ bản liên quan đến hạ tầng của học tập trực tuyến, đó là: sự giao thoa giữa môi trường học tập ảo và môi trường học tập được quản trị; và sự triển khai của thư viện số và thư viện lai. VLE là công cụ để hỗ trợ học tập trực tuyến thông qua việc cung cấp và tích hợp các nguồn học liệu, các liên kết đến các nguồn bên ngoài, các công cụ giao tiếp trực tuyến, các công cụ đánh giá. Đối với các hệ thống VLE, một TVS thực sự là một thư viện cung cấp các nguồn học liệu và các dịch vụ hoàn toàn trực tuyến.

Một trong những đặc điểm quan trọng của người học trong môi trường ảo với sự hỗ trợ của TVS đó là tính đa dạng. Rất nhiều người sẽ học từ nhà, từ nơi làm việc, học bán thời gian, học từ xa. Họ đến từ nhiều nhóm tuổi khác nhau và học trong suốt cuộc đời của họ. Hình mẫu về một người học đại học theo cách truyền thống sẽ không còn phù hợp nữa. Thay

vì thông tin hỗ trợ việc giảng dạy và học tập bị bó hẹp trong một tòa nhà, thì hiện nay thông tin bắt buộc phải cung cấp cho người học ở bất kỳ môi trường hoặc địa điểm học tập nào của họ. Có thể thấy, sự phát triển trong lĩnh vực truy cập và khai thác thông tin đã đặt ra một thách thức lớn về sự tồn tại của các thư viện. Bản chất của thông tin khoa học và cách mạng trong giao tiếp học thuật cùng với công nghệ mà nó áp dụng đang thay đổi rất nhanh chóng. Điều đó làm cho các thư viện phải đối mặt với thách thức khi tham gia như một thành phần không thể thiếu của quá trình đào tạo và nghiên cứu.

Tất cả các hoạt động tạo lập và triển khai đào tạo, cũng như những kinh nghiệm học tập đều có thể được thực hiện trong lĩnh vực số. Điều này dẫn đến những yêu cầu cơ bản cho việc áp dụng TVS trong đào tạo. Tuy nhiên, chuyển đổi từ trạng thái tĩnh là các kho tài liệu

Nghiên cứu - Trao đổi

cố định sang môi trường số, và từ nguồn dữ liệu đóng sang không gian dữ liệu mở, yêu cầu phải có chiến lược mới và suy nghĩ lại về vai trò của TVS trong giáo dục. TVS có thể có ba vai trò cơ bản sau: là một nguồn cho việc giảng dạy (phát triển và triển khai nội dung chương trình đào tạo); là một môi trường cho học tập (trải nghiệm của sinh viên); và là cổng thông tin cá nhân (liên quan đến tài liệu học thuật phục vụ học tập và nghiên cứu). TVS hỗ trợ hiệu quả phương thức đào tạo trong thế kỷ 21 đó là học tập dựa trên máy tính (computer-based learning).

Cho dù là thư viện truyền thống hay TVS, giao dịch cơ bản nhất trong một thư viện đó là *người dùng tương tác với nội dung thông tin*. Nhưng trong môi trường số, người dùng tương tác với nội dung tốt hơn và thuận tiện hơn. Đó không chỉ là việc người dùng với tới nhiều nội dung thông tin hơn, mà thông tin còn cung cấp trực tiếp đến người sử dụng nhanh chóng và ở mọi lúc mọi nơi. Sinh viên, giảng viên các khoa sẽ “kết nối để học tập” và “học tập để kết nối” thông qua việc thúc đẩy sự tham gia sử dụng các nguồn học liệu trong thư viện. Họ sẽ tạo thành một cộng đồng sử dụng nguồn học liệu theo nhóm chuyên ngành hay lĩnh vực. Thông qua mạng lưới người dùng, nội dung nguồn học liệu và dịch vụ, thư viện số tạo ra một môi trường học tập hiện đại và mở hơn cho người học.

TVS đóng vai trò quan trọng trong giáo dục thông qua hỗ trợ các mục tiêu sau:

- Thúc đẩy và hỗ trợ việc học tập suốt đời;
- Học tập ở mọi nơi mọi lúc;
- Hỗ trợ triển khai các chương trình đào tạo từ xa;
- Thúc đẩy chương trình ứng dụng công nghệ vào giáo dục và đào tạo của chính phủ;
- Nâng cao thành tích và khả năng học tập của sinh viên;

- Thu hút cho sinh viên tìm hiểu, khám phá và hứng thú hơn với khoa học;

- Tăng cường số lượng, chất lượng, tính toàn diện của nguồn học liệu trực tuyến;

- Làm cho các nguồn học liệu dễ dàng được tìm kiếm và khai thác cho sinh viên, giảng viên và nhà nghiên cứu, cũng như những người có nhu cầu về thông tin;

- Đảm bảo các nguồn thông tin luôn luôn sẵn sàng;

- Thúc đẩy việc chia sẻ thông tin và truyền bá tri thức.

Thư viện đại học luôn phải theo kịp sự phát triển của trường đại học và xã hội trong việc ứng dụng những công nghệ mới. Trong đó, xây dựng môi trường ảo và không gian trực tuyến đang là chủ đạo. Các thư viện đã tích cực tích hợp các sản phẩm và dịch vụ của mình trên các mạng xã hội như: facebook, twitter, youtube và một số mạng dịch vụ tin nhắn, cũng như những nhà cung cấp kết nối điện thoại. Việc tích hợp với các dịch vụ mạng xã hội là một thích ứng kịp thời của các thư viện đại học, vì sinh viên và giáo viên là những đối tượng người dùng sử dụng mạng xã hội và các dịch vụ trực tuyến rất tích cực. Học liệu cũng được dễ dàng chia sẻ thông qua các kênh này.

2. Thư viện số và chia sẻ học liệu

2.1. Khái niệm chia sẻ học liệu

Chia sẻ học liệu trong môi trường số đang là một xu thế chủ đạo hiện nay của các thư viện hiện đại. Đặc biệt là các thư viện đang xây dựng mô hình TVS với việc tập trung phát triển bộ sưu tập số. Chia sẻ nguồn học liệu bao gồm nhiều hoạt động hợp tác giữa các thư viện. Công nghệ thông tin và truyền thông đã mở ra những cơ hội mới cho sự hợp tác hiệu quả và toàn diện giữa các thư viện. Sự tương tác số, các cách tiếp cận hợp tác

Nghiên cứu - Trao đổi

xây dựng kho thông tin số, thành lập các liên minh nội dung (content consortiums) đang là những xu hướng phát triển đầy hứa hẹn trong những năm gần đây. Các chính phủ trên thế giới hỗ trợ các thư viện tham gia vào hiệp hội, consortium, thông qua đó tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng, môi trường để giúp các thư viện chia sẻ và khai thác thông tin số ở nhiều cấp độ khác nhau như nội bộ, quốc gia và quốc tế.

Các thư viện đang phải đối mặt với sự biến đổi nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông. Những biến đổi này tác động đến phương thức giao dịch, cách thức giảng dạy và học tập trong trường đại học, cách thức sử dụng thư viện, cũng như việc chia sẻ tài nguyên của các thư viện phục vụ cho đào tạo và những tương tác xã hội khác. Thư viện giống các tổ chức kinh doanh khác, họ phải tham gia vào xu thế tạo ra những dịch vụ trực tuyến khi mà Internet đang hiện diện ngày càng sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

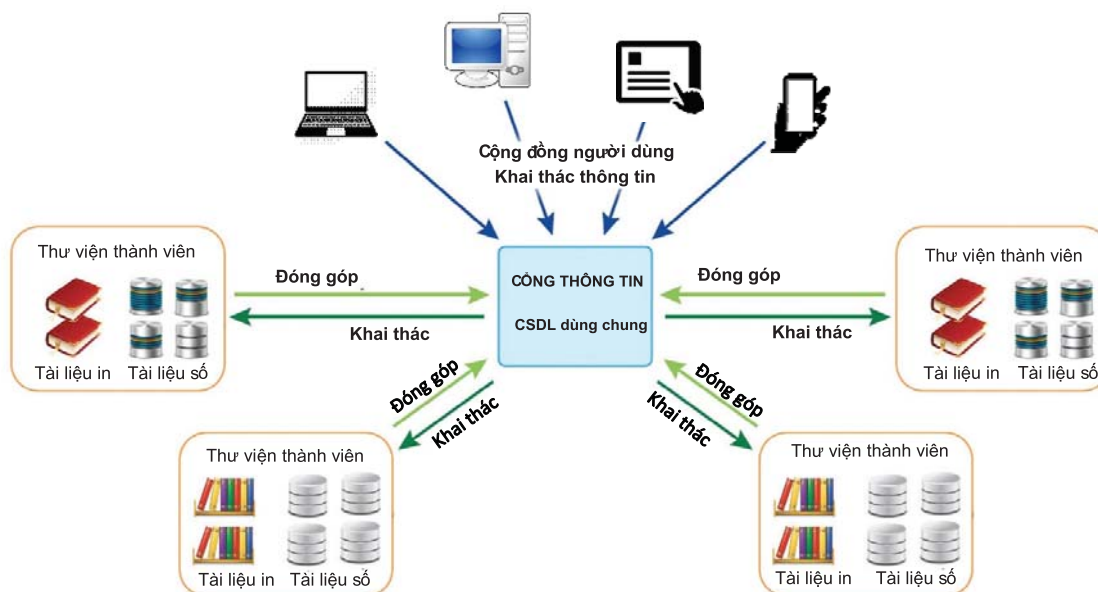
Khái niệm về hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện được đề cập trong nhiều thuật ngữ khác nhau. Đó có thể là những thuật ngữ như: hợp tác thư viện (library cooperation), mạng lưới thư viện (library networking), liên kết thư viện (library linkages), cộng tác thư viện (library collaboration), liên hiệp thư viện (library consortia), mượn liên thư viện (interlibrary loan), cung cấp tài liệu (document supply), phổ biến tài liệu (document delivery), và dịch vụ truy cập (access services). Những thuật ngữ này được sử dụng để mô tả về sự hợp tác, đối tác chính thức hoặc phi chính thức cũng như các hoạt động chia sẻ thông tin giữa các thư viện [3].

Walden định nghĩa chia sẻ nguồn lực

thông tin là một thuật ngữ được sử dụng để mô tả nỗ lực có tổ chức của các thư viện nhằm chia sẻ tài liệu và các dịch vụ hợp tác, qua đó cung cấp cho người dùng những nguồn thông tin không có sẵn trong một thư viện đơn lẻ. Nó thể hiện một sự nỗ lực của thư viện nhằm mở rộng khả năng đáp ứng cũng như sự sẵn sàng để đáp ứng thông tin của người dùng, giúp họ với tới những thông tin có tính đặc thù, đắt đỏ mà thư viện không có khả năng bổ sung [10].

Theo cách tiếp cận rộng hơn, chia sẻ thông tin/học liệu bao gồm nhiều nội dung hợp tác khác nhau. Mạng lưới chia sẻ thông tin của các thư viện công cộng thuộc Alberta (the Provincial Resource Sharing Network Policy for Alberta Public Library Boards) định nghĩa về chia sẻ thông tin là việc sử dụng chung bởi hai hoặc nhiều thư viện về tài sản của nhau, chẳng hạn như: trang thiết bị, nhân viên, kiến thức và chuyên môn, và nguồn lực thông tin [1]. Mặc dù phần lớn việc chia sẻ thông tin được diễn ra ở hai hình thức đó là chia sẻ thông tin thư mục và trao đổi các tài liệu thông qua mượn liên thư viện, nó còn bao gồm cả nguồn nhân lực, công tác chuyên môn, công nghệ và dịch vụ để biến việc chia sẻ thành hiện thực. Có thể nói, việc chia sẻ thông tin phải dựa trên một hệ giá trị cùng những quy định được đồng thuận giữa các thư viện trong hệ thống. Việc tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sẽ kết nối các thư viện với nhau. Những nguyên tắc này là cơ sở cho việc phát triển đối tác, xây dựng các chỉ dẫn, đưa ra các khuôn khổ và tiến trình của việc hợp tác. Đây chính là những yếu tố thiết lập nền móng cho việc đạt được thỏa thuận về chia sẻ thông tin giữa các thư viện.

Nghiên cứu - Trao đổi



Hình 3. Mô hình chia sẻ và khai thác thông tin giữa các thư viện

Chia sẻ thông tin sẽ tạo ra cộng đồng người dùng tin và nguồn thông tin đa dạng. Đây cũng là hai mục tiêu chính mà hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện cần phải đạt được. Trên danh nghĩa người dùng sẽ phải đăng ký sử dụng tại một thư viện, và thực tế họ sẽ được sử dụng các dịch vụ và nguồn thông tin mà thư viện đó có hợp tác với các thư viện khác trong hệ thống. Điều này sẽ tạo ra một cộng đồng người dùng chung. Ví dụ, đó có thể là cộng đồng người dùng tin của các thư viện nhóm trường kỹ thuật hay nhóm trường về kinh doanh và thương mại. Hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện trong nhóm sẽ tạo ra một bộ sưu tập phong phú và có độ bao phủ rộng về nội dung chuyên ngành mà họ đào tạo, đồng thời tạo lập một cổng thông tin dùng chung cho cộng đồng người dùng của mình. Điều này một thư viện đơn lẻ không thể làm được cho người dùng của mình. Hình 3 mô tả sự hợp tác chia sẻ thông tin giữa các thư viện thành viên để tạo ra một cổng thông tin dùng chung và cộng đồng người dùng tin.

Nhìn từ khía cạnh khai thác hiệu quả thông tin, Rahman nhấn mạnh mục tiêu của việc kết nối và chia sẻ thông tin là: thúc đẩy và sử dụng tối đa dung lượng miễn phí của các nguồn thông tin; đảm bảo tiếp cận tốt hơn các nguồn tài nguyên thông tin; đảm bảo tối đa hóa và làm phong phú các nguồn thông tin; tiết kiệm tài nguyên và tránh trùng lặp; đảm bảo cung cấp thông tin nhanh hơn cũng như hỗ trợ người dùng tốt hơn; tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi các xuất bản phẩm [7].

Ngoài những mục tiêu trên, Vijayakumar và Shrikant bổ sung thêm, chia sẻ thông tin sẽ tác động tích cực vào ngân sách của thư viện, giúp sử dụng ngân sách hiệu quả; giúp người dùng nhận thức được là có thể khai thác nguồn thông tin khác ngoài thư viện mà mình đang sử dụng; ứng dụng công nghệ tiên tiến vào việc chuẩn hóa các mục lục điện tử, đánh chỉ mục các tài liệu in ấn trong thư viện; và tiêu chuẩn hóa các phần mềm, phần cứng, cơ sở dữ liệu, đề xuất chính sách và triển khai các quy định, chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cho các

hoạt động cũng như đào tạo cán bộ và người dùng [9].

Vijayakumar và Shrikant cũng chỉ ra những lợi ích mà chia sẻ thông tin mang lại, đó là: nâng cao dịch vụ thông qua việc truy cập thông tin sẵn có trong các thư viện thành viên trong hệ thống; giảm chi phí và hiệu quả trong đầu tư; thúc đẩy dịch vụ chuyển phát tài liệu; phổ biến thông tin có chọn lọc cũng như nâng cao nhận thức về các dịch vụ hiện có; tăng cường sự hợp tác giữa các tổ chức với tổ chức, cá nhân với cá nhân, qua đó thúc đẩy việc chia sẻ tài liệu; nâng cao chất lượng công tác bổ sung các nguồn thông tin điện tử và chất lượng quản lý tài liệu trong thư viện; cung cấp các dịch vụ thư viện và giáo dục; tăng cường giá trị (chất và lượng) của thông tin cho giảng viên và sinh viên, thông qua đó hỗ trợ sứ mệnh của các trường đại học; và chuẩn hóa các dịch vụ thư viện trên toàn quốc [9].

2.2. Vai trò của thư viện số trong chia sẻ học liệu

TVS và chia sẻ học liệu là hai vấn đề luôn đi liền với nhau. TVS hướng tới sự thuận lợi trong khai thác thông tin: mọi lúc, mọi nơi. Trong khi đó, chia sẻ học liệu và truy cập mở hướng tới một cộng đồng chia sẻ thông tin không bị rào cản bởi vấn đề bản quyền. Trong môi trường học thuật, các học giả ủng hộ việc truy cập miễn phí đến các nguồn tài liệu học thuật. Tuy nhiên, quyền tác giả và sở hữu trí tuệ (SHTT) được bảo vệ bởi luật pháp. Điều này quan trọng bởi SHTT là những quyền cơ bản nhất của dân chủ và là động lực để kích thích sự sáng tạo. Thực tế, các tác giả muốn chia sẻ kết quả nghiên cứu của họ, đặc biệt là trong môi trường học thuật, trong khi đó các nhà xuất bản muốn thu phí đối với ấn phẩm khoa học [5]. Creative Commons là một trong những tổ chức phi chính phủ đang có những hỗ trợ cho các tác giả chia sẻ kết quả nghiên

cứu của mình với ý tưởng là thay vì ghi “tất cả các quyền được bảo hộ” sẽ là “một số quyền được bảo hộ” hoặc “được tái sử dụng vào mọi mục đích với yêu cầu duy nhất là ghi nhận quyền tác giả”. Họ cho rằng bản quyền tác giả không bị xâm phạm hay bỏ rơi, mà các công trình được chia sẻ trong phạm vi/lĩnh vực mà tác giả thấy phù hợp. Càng chia sẻ thì càng mang lại lợi ích cho chính tác giả - đó là sự công nhận của cộng đồng về kết quả nghiên cứu của họ. Phương châm của họ là chia sẻ, tái sử dụng một cách hợp pháp. Phương châm này dựa trên cơ sở cho rằng có thể dễ dàng chia sẻ và sử dụng thông tin/tri thức nếu TVS được sử dụng để quản lý nội dung số [2]. TVS có vai trò trong việc thúc đẩy chia sẻ học liệu giữa các thư viện thông qua việc tạo ra nền tảng cho hoạt động chia sẻ.

TVS phù hợp cho việc lưu giữ và phân phối các tài nguyên học liệu mở. TVS có thể quản lý nội dung số theo chuẩn dữ liệu số OAIPMH (Open Archives Initiative Protocol for Metadata Harvesting), điều này tạo thuận lợi cho việc đánh chỉ mục (thông qua các siêu dữ liệu) và xây dựng các mục lục liên hợp. TVS cung cấp đa truy cập bởi khả năng tương tác cũng như dễ dàng kết nối cộng đồng TVS toàn cầu. Học liệu số quan trọng đối với giáo dục đại học hiện đại. Học liệu số là cơ sở để triển khai các hình thức đào tạo có ứng dụng công nghệ. Về bản chất, sinh viên và nhà nghiên cứu khi tìm kiếm tài liệu tham khảo cần phải nhận thức rõ là càng nhiều nội dung được mở, nhiều nội dung được cung cấp và dễ dàng truy cập thì càng hỗ trợ tốt cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Họ biết được những kết quả nghiên cứu trước đó để tránh triển khai những nghiên cứu trùng lặp làm mất thời gian và kinh phí. Để làm được điều đó thì các công cụ tìm kiếm phải hiệu quả và được thực hiện bởi TVS với dữ liệu đã

Nghiên cứu - Trao đổi

được tuân thủ theo các tiêu chuẩn hiện hành.

Thực tế là không một thư viện đại học nào có đủ tiềm lực tài chính để đáp ứng toàn bộ nhu cầu về thông tin trong trường đại học chủ quản, vẫn có những khoảng trống về nhu cầu không được đáp ứng để ưu tiên cho những những lĩnh vực có nhu cầu vượt trội. Kể cả nhóm có nhu cầu cao hơn này thì mức độ bảo đảm thông tin cũng không được 100% so với nhu cầu. Điều này dẫn đến các thư viện tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài thư viện để bù vào phần thiếu hụt này. Và lẽ dĩ nhiên đối tác mà các thư viện nghĩ đến là các thư viện trong cùng hệ thống hoặc cùng lĩnh vực. Với sự xuất hiện của TVS, hợp tác giữa các thư viện sẽ dễ dàng hơn, và chia sẻ học liệu sẽ thuận lợi hơn khi các nguồn lực đã được số hóa và tuân theo các chuẩn nhất định.

3. Những thách thức cho thư viện số và chia sẻ học liệu trong môi trường số

Phát triển TVS và thúc đẩy chia sẻ học liệu đang đối mặt với những thách thức không hề nhỏ trong thế giới số và Internet, đó là: khả năng tương tác giữa người dùng và nguồn thông tin số; khả năng hoạt động liên tục 24/7; vấn đề đa ngôn ngữ và đa văn hóa; sự đa dạng của thông tin cùng những sự thay đổi về định dạng số; an toàn bảo mật thông tin; bảo quản số; và quyền SHTT. Trong đó, bảo quản số và quyền SHTT là vấn đề đáng quan tâm nhất trong việc phát triển TVS và chia sẻ thông tin.

Nghiên cứu và tìm giải pháp cho những vấn đề liên quan đến quản trị nội dung số đang là yêu cầu đặt ra hiện nay. Trong đó, bảo quản là một vấn đề quan trọng của quản trị nội dung số. Bảo quản tài liệu số có thể được nhìn nhận từ ba khía cạnh khác nhau: bảo quản về mặt vật lý các vật mang tin đa phương tiện như HDs, CDs, DVDs; công nghệ lưu trữ để

tránh các công nghệ lỗi thời; và bảo quản duy trì truy cập. Hiện nay, giáo dục đại học đang chuyển dần từ sử dụng các phương tiện truyền thống sang định dạng số, như vậy các trường đại học sẽ đối mặt với những thách thức này. Ví dụ, khi các luận văn, luận án bằng giấy sẽ không được sử dụng nữa, thay vào đó được lưu trữ dưới định dạng số ETDS (Electronic Theses and Dissertations Service). Lúc này, vấn đề đặt ra cho việc lưu trữ số là làm sao bảo quản được những tài liệu này một cách lâu dài và khai thác tốt nhất.

Thách thức thứ hai là vấn đề SHTT trong thế giới số - đây là một vấn đề cần được đặc biệt quan tâm. Thế giới số đã thay đổi cách thông tin được ghi lại và phân phối, cũng như vai trò của những người tham gia trong tiến trình này. Bất kỳ một người nào cũng đều có thể xuất bản một cuốn sách lên web hoặc tự làm phim và đưa lên mạng xã hội như youtube, hoặc chụp ảnh và chia sẻ trên mạng. Trong khi đó, pháp luật về SHTT được tạo ra trước khi cuộc cách mạng thông tin nổ ra. Điều này có thể dẫn đến sự xung đột về quyền SHTT trong thế giới số. Nhìn chung luật SHTT muốn bảo vệ quyền SHTT, quyền tác giả, hạn chế việc chia sẻ một cách tự do, và trong hầu hết trường hợp phải trả một khoản kinh phí để sử dụng. Trong khi đó, hoạt động chia sẻ và học liệu mở hướng tới việc đưa thông tin, tri thức đến người dùng hoàn toàn miễn phí, khuyến khích sự phát tán tri thức trong cộng đồng. Đối với thư viện, vấn đề đặt ra là phải vừa đảm bảo quyền lợi của tác giả và người nắm giữ quyền SHTT, đồng thời có thể chia sẻ thông tin một cách rộng rãi đến người dùng. Đây là một vấn đề khó và cần có sự phối hợp đồng bộ. Trong đó, tham gia phát triển nguồn học liệu mở là một

Nghiên cứu - Trao đổi

trong những giả pháp lâu dài cho các thư viện đại học.

Tóm lại, môi trường học tập đang thay đổi, chuyển từ chủ yếu học tập trên giảng đường và trong tòa nhà thư viện sang môi trường học tập trực tuyến mà ở đó người học có thể học tập ở mọi lúc, mọi nơi dựa trên công nghệ số và Internet. Người dạy và người học tương tác qua các phần mềm quản trị học tập thông qua Internet. Tài liệu học tập được cung cấp và chia sẻ dưới dạng số

và từ nhiều nguồn khác nhau. TVS đóng vai trò quan trọng trong tiến trình đổi mới giáo dục và phương pháp tiếp cận thông tin, tri thức. Trong đó khả năng về TVS không còn nằm trong khuôn khổ một thư viện, mà được hiểu như một phương thức thu thập, xử lý, lưu trữ bảo quản và cung cấp thông tin theo phương thức mở - phương thức trực tuyến. TVS là phương thức, công cụ và nền tảng để các trường đại học tạo lập và chia sẻ thông tin.

Tài liệu tham khảo

1. Alberta (2009), Provincial Resource Sharing Network Policy for Alberta Public Library Boards. Truy cập từ <http://open.alberta.ca/publications/6554304>
2. Creative Commons (2015), Giới thiệu về tổ chức Creative Commons. Truy cập từ <http://creativecommons.org/about>
3. Hussaini, A., Owoeye, J.E. & Anasi, S.N.I. (2010), Resource sharing among law libraries: An imperative for legal research and the administration of justice in Nigeria. Library Philosophy and Practice. Truy cập từ <http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/ali-owoeye-anasi.htm>.
4. Matthews S. (2011), Perpetual beta – The real 21st century library model? Truy cập từ <http://21stcenturylibrary.com/2011/08/10/perpetual-beta-real-21st-century-library-model/>
5. Pavani, A.M.B. (2007), The role of digital libraries in higher education. International Conference on Engineering Education – ICEE. Truy cập từ <http://ineerweb.osanet.cz/Events/ICEE2007/papers/637.pdf>
6. Rabi, A. M. & Obaje, A. (2012), The roles of library and librarian in information resource sharing in the emerging information society. Information and Knowledge Management. 2 (7), pp. 79-85.
7. Rahman, L. (2006), Resource Sharing: Management of Information. In Ikpahindi (2006) Resource sharing in cataloguing, bibliographic, and indexing services in an Information and Communication Technology (ICT) age. Paper presented at the 26th Annual Cataloguing, Classification and Indexing Seminar/Workshop, Abeokuta.
8. UNESCO (2003), Digital Libraries in Education - Analytical Survey. Truy cập từ <http://ite.unesco.org/pics/publications/en/files/3214609.pdf>
9. Vijayakumar Y.J. & Shrikant G. K. (2014), Resource sharing in e-environment: A Study of P.M.N.M. Dental College and Hospital Library, Bagalkot. (tài liệu trực tuyến).
10. Walden, B.L. (1999), Resource sharing among North American libraries, past, present and future: A model for experts? Truy cập: <http://www.stub.uni-frankfurt.de/messe/proceedings/Walden.htm>
11. Witten, I. H. & Bainbridge, D. (2005), How to build a digital library. San Francisco: Morgan Kaufmann.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24-6-2015; Ngày phản biện đánh giá: 12-8-2015; Ngày chấp nhận đăng: 18-10-2015).

Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ cho nghiên cứu này. Mã số: QG.15.49